

THÔNG BÁO

Điều chỉnh phương thức tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ khóa 22.1 năm 2022 của Trường Đại học Thủ Dầu Một

Thực hiện Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ; Quyết định số 151/QĐ-ĐHTDM, ngày 20/01/2022 về ban hành Đề án tuyển sinh Đào tạo Sau đại học năm 2022 của Trường Đại học Thủ Dầu Một; Kế hoạch số 13/KH-ĐHTDM ngày 10/02/2022 về kế hoạch tổ chức tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ năm 2022 của Trường Đại học Thủ Dầu Một.

Trường Đại học Thủ Dầu Một thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ Khóa 22.1 năm 2022 như sau:

1. Các ngành đào tạo và phương thức tuyển sinh¹

STT	Chuyên ngành đào tạo	Mã ngành	Phương thức tuyển sinh
1	Lịch sử Việt Nam	8 22 90 13	Xét tuyển và phỏng vấn năng lực, áp dụng đối với thí sinh dự tuyển tất cả các ngành đào tạo trình độ thạc sĩ 1. Xét bảng điểm tích lũy của bậc đại học. 2. Phỏng vấn năng lực đối với môn chuyên ngành (<i>phụ lục 1</i>). Thời gian tối đa cho 1 thí sinh là 25 phút. 3. Tổ chức thi ngoại ngữ 4 kỹ năng nghe, đọc, viết, nói theo quy định của BGD&ĐT về khung năng lực ngoại ngữ đối với thí sinh chưa đủ điều kiện về văn bằng chứng chỉ (<i>phụ lục 2</i>). Thời gian thi 135 phút đối với nghe, đọc, viết và vấn đáp tối đa 20 phút đối với kỹ năng nói.
2	Quản lý giáo dục	8 14 01 14	
3	Văn học Việt Nam	8 22 01 21	
4	Kế toán	8 34 03 01	
5	Quản trị kinh doanh	8 34 01 01	
6	Ngôn ngữ Anh	8 22 02 01	
7	Công tác xã hội	8 76 01 01	
8	Khoa học môi trường	8 44 03 01	
9	Hệ thống thông tin	8 48 01 04	
10	Tài chính ngân hàng	8 34 02 01	
11	Luật kinh tế	8 38 01 07	

(*) Một trong các ngoại ngữ sau: Tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Trung. Riêng ngành Ngôn ngữ Anh môn ngoại ngữ dự thi đầu vào là tiếng Pháp hoặc tiếng Trung.

2. Đối tượng dự tuyển và chỉ tiêu tuyển sinh

¹ Ghi chú: Đối với điều kiện bình thường Nhà trường tổ chức thi trực tiếp, trong điều kiện dịch bệnh và tình huống bất khả kháng khác Nhà trường tổ chức thi trực tuyến.

- Đối tượng dự tuyển:
- + Công dân Việt Nam
- + Công dân nước ngoài
- Tổng chỉ tiêu 11 ngành: 650 chỉ tiêu.

3. Hình thức và thời gian đào tạo

- Hình thức đào tạo: Chính quy.
- Thời gian đào tạo: 02 năm.

4. Điều kiện dự tuyển và đối tượng ưu tiên

4.1. Đối với thí sinh dự tuyển là người Việt Nam

Thí sinh dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ là công dân Việt Nam có lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, có đủ các điều kiện về văn bằng đối với chuyên ngành đào tạo (*xem phụ lục 3*).

Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp². Điểm trung bình tích lũy bậc đại học từ 6,5 trở lên. (Đối với ngành gần ngành khác thí sinh cần hoàn thành chương trình bổ túc kiến thức trước khi xét tuyển).

4.2. Đối với thí sinh dự tuyển là người Nước ngoài

Có đủ các điều kiện về văn bằng đối với chuyên ngành đào tạo (*xem phụ lục 3*). Các thí sinh dự tuyển là người Nước ngoài đăng ký theo học chương trình thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt Bậc 4 trở lên theo khung năng lực tiếng Việt được quy định tại Thông tư số 17/2015/TT-BGDĐT ngày 01/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài.

Việc xác định chuyên ngành đối với thí sinh người Nước ngoài, sẽ đối chiếu các môn học có tên gọi giống hoặc tương đương để xác định chuyên ngành hoặc chuyên môn chuyên đổi.

4.3. Điều kiện sức khỏe

- Có đủ sức khỏe học tập.
- Đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học theo quy định thủ trưởng cơ sở đào tạo xem xét, quyết định cho dự tuyển sinh tùy tình trạng sức khỏe và yêu cầu của người học.

4.4. Đối tượng và chính sách ưu tiên

- Đối tượng và chính sách ưu tiên thực hiện theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

² - Hội đồng tuyển sinh chấp nhận sử dụng giấy chứng nhận tốt nghiệp trình độ đại học tạm thời khi chưa được cấp bằng tốt nghiệp đại học. Nếu trúng tuyển, người dự tuyển phải nộp bản sao văn bằng có chứng thực.

- Các văn bằng tốt nghiệp đại học và bằng điểm do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được dịch chứng thực sang tiếng Việt và nộp kèm theo văn bản công nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và đào tạo. Trường Đại học Thủ Dầu Một sẽ tiến hành thẩm định tính xác thực của văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ.

- Đơn xin xét đối tượng ưu tiên (Mẫu tại <https://saudaihoc.tdmu.edu.vn>), kèm các minh chứng liên quan.

- Thời hạn nộp hồ sơ xét đối tượng ưu tiên đến hết ngày **15/6/2022**. Danh sách thí sinh thuộc đối tượng ưu tiên được đăng tại <https://saudaihoc.tdmu.edu.vn> trước khi tổ chức thi tuyển sinh.

5. Hình thức và thời gian xét tuyển

5.1. Hình thức xét tuyển và phỏng vấn năng lực

- Xét bảng điểm tích lũy của bậc đại học, áp dụng đối với thí sinh dự tuyển tất cả các ngành đào tạo trình độ thạc sĩ.

- Phỏng vấn năng lực đối với môn chuyên ngành (*xem phụ lục 1*). Thời gian tối đa cho 1 thí sinh là 25 phút.

5.2. Điều kiện miễn thi ngoại ngữ

Thí sinh đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ từ bậc 3 trở lên theo khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam. Ngôn ngữ nước ngoài áp dụng tại nội dung này là tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Trung Quốc, tiếng Nhật và tiếng Nga. Cụ thể, thí sinh phải thỏa mãn một trong các điều kiện về ngoại ngữ dưới đây:

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

- Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Trường Đại học Thủ Dầu Một cấp mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định (*tại Phụ lục 2*) ban hành kèm theo thông báo này và còn trong thời hạn 2 năm tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển.

- Thí sinh chưa có đủ điều kiện về miễn thi ngoại ngữ thì thực hiện thi Ngoại ngữ. Môn ngoại ngữ thi bốn kỹ năng Nghe, Đọc, Viết, Nói. Nghe, Đọc, Viết 135 phút. Nói: thi vấn đáp tổng thời gian 20 phút/người. Thí sinh được phúc khảo đối với phần thi (Nghe, Đọc, Viết). Không phúc khảo đối với thi nói (thi vấn đáp). Thí sinh phải đạt 50/100 môn ngoại ngữ (các phần thi nghe, nói, đọc và viết không dưới 30% thang điểm).

- Hồ sơ xét tuyển (*xem phụ lục 4*)

5.3. Phát hành và nhận hồ sơ dự tuyển

- Thời hạn: **Đến 15/6/2022.**

- Thông tin tuyển sinh xem tại

<https://tuyensinh.tdmu.edu.vn/> hoặc <https://saudaihoc.tdmu.edu.vn/>

- Địa điểm phát hành và nhận Hồ sơ:

+ Hồ sơ đăng ký dự tuyển phát hành và nhận trực tiếp tại Trung tâm Tuyển sinh Trường Đại học Thủ Dầu Một.

+ Hồ sơ gửi qua đường bưu điện, địa chỉ: **Trung tâm Tuyển sinh Trường Đại học Thủ Dầu Một**, số 06 đường Trần Văn Ôn, Phú Hòa, Thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương. Điện thoại: (0274) 3835.677 – (0274) 3 844 340 – (0274) 3844 341

- Thí sinh căn cứ vào các điều kiện quy định ở trên, có nhu cầu đăng ký nộp hồ sơ dự tuyển, khi trúng tuyển không được đổi chuyên ngành đào tạo.

- Website: <https://tuyensinh.tdmu.edu.vn/>

- Email: tuyensinh@tdmu.edu.vn

5.4. Tổ chức bổ túc kiến thức, ôn tập

- Tổ chức bổ túc kiến thức: Dự kiến từ **16/4 đến 12/6/2022**

- Tổ chức ôn tập dự kiến từ **13/6 đến 26/6/2022**

- Thời gian học bổ túc kiến thức và ôn tập được tổ chức linh hoạt vào các buổi tối và các ngày Thứ bảy và Chủ nhật hằng tuần.

- Hình thức trực tuyến kết hợp trực tiếp, thông tin chi tiết lịch bổ túc kiến thức, ôn tập cụ thể của từng môn học được công bố trên website <https://saudaihoc.tdmu.edu.vn/>

5.5. Tổ chức tuyển sinh

- Nhận hồ sơ dự tuyển đến **15/6/2022**

- Công bố danh sách đủ điều kiện dự tuyển **16/6/2022**

- Nhận giấy dự tuyển từ **25/6/2022 đến 03/7/2022**

- Dự kiến ngày xét tuyển và phỏng vấn năng lực: Ngày **09 và 10 tháng 7 năm 2022** (Lịch xét tuyển và phỏng vấn năng lực cụ thể thông báo sau).

- Địa điểm: Trường Đại học Thủ Dầu Một.

- Công bố kết quả tuyển sinh và điểm chuẩn **15/7/2022**

- Nhận đơn phúc khảo từ **16/7 đến 24/7/2022**

- Công bố danh sách trúng tuyển ngày **25/7/2022**

- Nhận giấy báo nhập học từ **26/7/2022 đến 30/7/2022**

- Gặp mặt tân học viên: Ngày **30/7/2022**

6. Điều kiện xét trúng tuyển và học bổng

- Thí sinh thuộc diện xét trúng tuyển phải có điểm trung bình tích lũy bậc đại học từ 6,5 trở lên, đạt 50% của thang điểm đối với môn chuyên ngành (môn phỏng vấn năng lực) và đạt điều kiện về ngoại ngữ.

- Nguyên tắc xét tuyển, lấy điểm trung bình tích lũy bậc đại học và điểm môn chuyên ngành từ cao xuống đến khi kết chỉ tiêu. Trường xây dựng điểm chuẩn trúng tuyển cho từng ngành xét tuyển dựa trên chỉ tiêu tuyển sinh đã xác định và số lượng thí sinh nộp hồ sơ xét tuyển vào Trường.

- Trường hợp xét tuyển đến một mức điểm nhất định vẫn còn chỉ tiêu nhưng số thí sinh cùng bằng điểm cao hơn số lượng chỉ tiêu còn lại thực hiện xét tuyển theo tiêu chí phụ, thứ tự như sau: (1) Thí sinh có công trình/sản phẩm nghiên cứu khoa học; (2) Thí sinh có điểm phỏng vấn chuyên môn cao hơn; (3) Thí sinh có thâm niên công tác nhiều năm hơn.

- Nhà trường giảm 50% học phí trong năm đầu tiên của khóa học đối với thí sinh học tại Trường Đại học Thủ Dầu Một trong 2 năm (24 tháng) kể từ khi tốt nghiệp, đăng ký dự tuyển đúng chuyên ngành có điểm trung bình tích lũy bậc đại học từ 8,0 trở lên.

7. Học phí và lệ phí tuyển sinh

7.1. Học phí bổ sung kiến thức và ôn tập

- Học phí bổ sung kiến thức: 1.875.000 đồng/môn học.

- Học phí ôn thi: 1.250.000 đồng/môn học.

7.2. Lệ phí tuyển sinh

- Hồ sơ tuyển sinh: 100.000 đồng/hồ sơ.

- Lệ phí xét tuyển/thi tuyển

+ Đối tượng 1: 400.000 đồng/hồ sơ (xét điểm tích lũy bậc đại học và phỏng vấn năng lực chuyên môn)

+ Đối tượng 2: 600.000 đồng/hồ sơ (xét điểm tích lũy bậc đại học và phỏng vấn năng lực chuyên môn và thi ngoại ngữ)

- Hình thức nộp

+ **Nộp tiền mặt:** Tại Trung tâm tuyển sinh công 3, Trường Đại học Thủ Dầu Một (bộ phận thu phí, lệ phí).

+ **Chuyển khoản vào tài khoản:** Đơn vị thụ hưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một - Số tài khoản: **65010000465078** tại ngân hàng BIDV, Chi nhánh Bình Dương. Nội dung và cú pháp nộp tiền (xem phụ lục 5).

- Học viên đóng tiền qua ngân hàng hoặc Kho bạc, giữ lại giấy nộp tiền do Ngân hàng hoặc Kho bạc cung cấp để làm minh chứng cho các thủ tục sau này.

7.3. Học phí học kỳ 2 năm học 2021-2022

- Nhóm ngành khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên; kinh doanh, quản lý, pháp luật; khoa học xã hội và hành vi, báo chí và thông tin, dịch vụ xã hội, môi trường và bảo vệ môi trường; nghệ thuật: 22.050.000 đồng.

- Nhóm ngành toán và thống kê, máy tính và công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, sản xuất và chế biến, kiến trúc và xây dựng: 26.325.000 đồng.

Ghi chú: Thông báo này thay thế Thông báo số 07/TB-ĐHTDM ngày 10/02/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một về tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ khóa 22.1 năm 2022.

Nơi nhận: 

- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- UBND tỉnh (để b/c);
- Hội đồng Trường;
- HT và PHT;
- Các Cơ quan, Ban, Ngành;
- Các đơn vị trong Trường;
- Website Trường và SDH;
- Lưu: VT, ĐTSĐH.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



TS. Ngô Hồng Điệp



PHỤ LỤC 1
DANH MỤC CÁC MÔN PHÒNG VẤN (VẤN ĐÁP) TUYỂN SINH
ĐẠO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
(Đính kèm Thông báo số 26 /TB-ĐHTDM ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

STT	Chuyên ngành	Mã ngành	Các môn phỏng vấn năng lực
1	Lịch sử Việt Nam	8 22 90 13	Phương pháp luận sử học
2	Quản lý giáo dục	8 14 01 14	Giáo dục đại cương
3	Văn học Việt Nam	8 22 01 21	Lý luận văn học
4	Kế toán	8 34 03 01	Nguyên lý kế toán
5	Quản trị kinh doanh	8 34 01 01	Quản trị học
6	Ngôn ngữ Anh	8 22 02 01	Language skills
7	Công tác xã hội	8 76 01 01	Nhập môn công tác xã hội
8	Khoa học môi trường	8.44 03 01	Cơ sở khoa học môi trường
9	Hệ thống thông tin	8 48 01 04	Cơ sở tin học
10	Tài chính ngân hàng	8 34 02 01	Lý thuyết tài chính tiền tệ
11	Luật kinh tế	8 38 01 07	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật



PHỤ LỤC 2

**BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỊNH MỘT SỐ CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ
TƯƠNG ĐƯƠNG CẤP ĐỘ 3/6 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO
VIỆT NAM ÁP DỤNG TRONG ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**
(Đính kèm Thông báo số 26 / TB-ĐHTDM ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Thủ Dầu Một)

**1. Danh mục chứng chỉ Ngoại ngữ đạt trình độ tương đương bậc 3 trở lên (Ban hành
kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021)**

STT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ/Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30 – 45	46 – 93
		TOEFL iBT	450 – 499	
		IELTS	4.0 – 5.0	5.5 – 6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm : 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill. Thang điểm : 160-179
		TOEIC(4 kỹ năng)	Nghe : 275-399 Đọc : 275-384 Nói : 120-159 Viết : 120-149	Nghe : 400-489 Đọc : 385-454 Nói : 160-179 Viết : 150-179
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF : 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF : 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe – Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga	ТРКИ – Тест по русскому языку как иностранным	ТРКИ-1	ТРКИ-2



2. Danh mục các Trường đại học được phép tổ chức thi và cấp chứng chỉ tiếng Anh theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Tính đến ngày 23/4/2021, tại Thông báo 138/TB-QLCL ngày 08/02/2021; Công văn 1398/BGDĐT-QLCL ngày 09/4/2021, của Bộ GD&ĐT)

1. Trường Đại học Sư phạm Tp Chí Minh	10. Học viện An ninh nhân dân
2. Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế	11. Trường Đại học Sài Gòn
3. Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQG Hà Nội	12. Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM
4. Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng	13. Trường Đại học Trà Vinh
5. Đại học Thái Nguyên	14. Trường Đại học Văn Lang
6. Trường Đại học Cần Thơ	15. Trường Đại học Quy Nhơn
7. Trường Đại học Hà Nội	16. Trường Đại học Tây Nguyên
8. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	17. Trường Đại học Công nghiệp TP. HCM
9. Trường Đại học Vinh	18. Học viện Báo chí Tuyên truyền





PHỤ LỤC 3

NGÀNH ĐÚNG, NGÀNH PHÙ HỢP, NGÀNH GẦN VỚI CHUYÊN NGÀNH TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ VÀ CÁC HỌC PHẦN BỔ TÚC KIẾN THỨC

(Đính kèm Thông báo số 1/TB-DHTDM ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

1. Lịch sử Việt Nam

Ngành đại học đúng/phù hợp (Không học bổ túc kiến thức)	Ngành đại học gần/ngành khác (Học bổ túc kiến thức)	Các học phần bổ túc kiến thức (03 tín chỉ/học phần)
Lịch sử Việt Nam; Lịch sử (chung); Sơ phạm Lịch sử; Lịch sử Thế giới; Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Sử - Chính trị; Khảo cổ học; Lưu trữ học; Bảo tàng học và Di sản;	Nhóm 1: Chính trị học; khoa học chính trị; Đông phương học; Việt Nam học; Dân tộc học; Nhân học; nhóm ngành ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Xây dựng Đảng; Triết học; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tôn giáo học. Nhóm 2: Văn học; Văn hóa học; Báo chí; Thư viện; Giáo dục học; Châu Á học; Quốc tế học; Quan hệ quốc tế; nhóm ngành ngôn ngữ và văn hóa nước ngoài.	Nhóm 1: 1. Việt Nam trong tiến trình lịch sử thế giới 2. Lịch sử sử học thế giới 3. Lịch sử sử học Việt Nam Nhóm 2: 1. Việt Nam trong tiến trình lịch sử thế giới 2. Lịch sử sử học thế giới 3. Lịch sử sử học Việt Nam 4. Đại cương lịch sử thế giới 5. Đại cương lịch sử Việt Nam 6. Truyền thống dựng nước và giữ nước trong lịch sử Việt Nam

2. Hệ thống thông tin

Ngành đại học đúng/phù hợp (Không học bổ túc kiến thức)	Ngành đại học gần/ngành khác (Học bổ túc kiến thức)	Các học phần bổ túc kiến thức (03 tín chỉ/học phần)
Khoa học máy tính; Mạng máy tính và Truyền thông dữ liệu; Kỹ thuật phần mềm; Kỹ thuật máy tính; Hệ thống thông tin; Hệ thống thông tin quản lý; Công nghệ kỹ thuật máy tính; Công nghệ thông tin; An toàn thông tin; An toàn và bảo mật thông tin; Tin học; Tin học quản lý; Tin học ứng dụng; Tin học công nghiệp; Thương mại điện tử; Hệ thống thông tin kinh tế; Sơ phạm tin học; Sơ phạm công nghệ thông tin; Toán tin; Xử lý thông tin; Khoa học dữ liệu; Trí tuệ nhân tạo.	Nhóm 1: Sơ phạm toán; Toán học; Toán cơ; Toán ứng dụng; Khoa học tính toán; Thông kê; Tin học môi trường. Nhóm 2: Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông; Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông; Kỹ thuật y sinh; Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Kỹ thuật đo lường.	Nhóm 1 : 1. Cơ sở dữ liệu 2. Cấu trúc dữ liệu và giải thuật 3. Lập trình hướng đối tượng 4. Phân tích và thiết kế hệ thống 5. Khai phá dữ liệu Nhóm 2: 1. Cơ sở dữ liệu 2. Cấu trúc dữ liệu và giải thuật 3. Lập trình hướng đối tượng 4. Phân tích và thiết kế hệ thống 5. Toán rời rạc 6. Khai phá dữ liệu 7. Phân tích thống kê

3. Quản trị kinh doanh

Ngành đại học đúng/phù hợp (Không học bổ túc kiến thức)	Ngành đại học gần/ngành khác (Học bổ túc kiến thức)	Các học phần bổ túc kiến thức (03 tín chỉ/học phần)
Quản trị kinh doanh	Nhóm 1: Kinh tế học; Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm; Kế toán - Kiểm toán; Quản trị - Quản lý hoặc các ngành kinh tế nói chung. Nhóm 2: Khoa học giáo dục; Nghệ thuật; Nhân văn; Khoa học xã hội và	Nhóm 1: 1. Quản trị tài chính 2. Quản trị chuỗi cung ứng 3. Quản trị chất lượng Nhóm 2: 1. Quản trị tài chính.

	hành vi; Báo chí và thông tin; Pháp luật; Khoa học sự sống; Khoa học tự nhiên; Toán và thống kê; Máy tính và công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật; Kỹ thuật; Sản xuất và chế biến; Kiến trúc và xây dựng; Nông - lâm nghiệp và thủy sản; Thú y; Sức khỏe; Dịch vụ vận tải; Môi trường và bảo vệ môi trường; An ninh – quốc phòng; Công tác xã hội; Bảo hộ lao động.	2. Quản trị chuỗi cung ứng. 3. Quản trị chất lượng. 4. Quản trị học. 5. Kinh tế vi mô.
--	--	---

4. Công tác xã hội

Ngành đại học đúng/phù hợp (Không học bổ túc kiến thức)	Ngành đại học gần/ngành khác (Học bổ túc kiến thức)	Các học phần bổ túc kiến thức (03 tín chỉ/học phần)
Công tác xã hội	Nhóm 1: Tâm lý học; Xã hội học; Nhân học; Dân tộc học; Quản lý giáo dục; Giáo dục đặc biệt; Giáo dục học; Giáo dục công dân. Nhóm 2: Nhân văn: Tiếng Việt và văn hóa Tiếng Việt, Ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam, Việt Nam học, Ngôn ngữ và văn hóa nước ngoài (Anh, Nga, Pháp, Trung,...), Triết học, Lịch sử, Ngôn ngữ học, Văn học, Văn hóa học, Quản lý văn hóa,... Khoa học xã hội và hành vi: Kinh tế học, Kinh tế quốc tế, Chính trị học, Xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước, Quản lý Nhà nước, Địa lý học. Báo chí và thông tin: Báo chí, Truyền thông đa phương tiện, Quan hệ công chúng, Truyền thông quốc tế, Khoa học thư viện, Thông tin học, Lưu trữ học, Xuất bản, Kinh doanh xuất bản phẩm Kinh doanh và quản lý: Quản trị kinh doanh, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn, Kinh doanh thương mại, Kinh doanh quốc tế, Tài chính-ngân hàng, Bảo hiểm, Kế toán, Khoa học quản lý, Quản trị nhân lực, Quản trị văn phòng. Pháp luật: Luật, Luật Kinh tế, Luật quốc tế Sức khỏe: Y học, Y tế công cộng, Dược học, Điều dưỡng, Quản lý bệnh viện An ninh - Quốc phòng: Quản lý nhà nước về an ninh trật tự; Quản lý, giáo dục và cải tạo phạm nhân. Hành chính học	Nhóm 1: 1. Nhập môn Công tác xã hội 2. Công tác xã hội cá nhân 3. Công tác xã hội nhóm 4. Tổ chức Phát triển cộng đồng Nhóm 2: 1. Nhập môn Công tác xã hội 2. Công tác xã hội cá nhân 3. Công tác xã hội nhóm 4. Tổ chức Phát triển cộng đồng 5. Hành vi con người và môi trường 6. Lý thuyết công tác xã hội

5. Khoa học Môi trường

Ngành đại học đúng/phù hợp (Không học bổ túc kiến thức)	Ngành đại học gần/ngành khác (Học bổ túc kiến thức)	Các học phần bổ túc kiến thức (03 tín chỉ/học phần)
Khoa học Môi Trường, Kỹ thuật Môi trường, Quản lý Môi trường, Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Công nghệ kỹ thuật môi trường.	Sinh học chung, Địa lý môi trường, Kinh tế môi trường, Khoa học đất; Hóa học chung; Quản lý đất đai; Kinh tế môi trường; An toàn sức khỏe môi trường; Sinh thái môi trường.	1. Quản lý môi trường 2. Đại cương Công nghệ môi trường 3. Cơ sở khoa học môi trường

6. Văn học Việt Nam

Ngành đại học đúng/phù hợp (Không học bổ túc kiến thức)	Ngành đại học gần/ngành khác (Học bổ túc kiến thức)	Các học phần bổ túc kiến thức (03 tín chỉ/học phần)
Văn học, Ngữ văn, Sư phạm Ngữ văn, Ngôn ngữ học, Hán Nôm.	Ngữ văn Trung Quốc, Ngữ văn Anh, Ngữ văn Pháp, Ngữ văn Nga, Ngữ văn Đức, Ngữ văn Nhật, Ngôn ngữ và văn hoá Phương Đông; Văn hóa học, Việt Nam học, Văn hoá dân tộc, Văn hóa quần chúng, Du lịch; Lý luận Mĩ thuật, Lý luận Nghệ thuật, Lý luận Âm nhạc, Lý luận Sân khấu, Lý luận Điện ảnh; Triết học, Nhân học, Đông phương học, Đông Nam Á học, Châu Á học, Báo chí, Truyền thông đại chúng.	1. Những vấn đề cơ bản của văn học trung đại Việt Nam 2. Những vấn đề cơ bản của văn học hiện đại Việt Nam 3. Văn học, nhà văn, bạn đọc

7. Kế toán

Ngành đại học đúng/phù hợp (Không học bổ túc kiến thức)	Ngành đại học gần/ngành khác (Học bổ túc kiến thức)	Các học phần bổ túc kiến thức (03 tín chỉ/học phần)
Kế toán; Kế toán Tài chính; Kế toán doanh nghiệp; Kế toán - Kiểm toán.	Kinh doanh, Tài chính - ngân hàng - Bảo hiểm, Quản trị - Quản lý các chương trình đào tạo thuộc khối ngành kinh tế nói chung.	1. Kế toán tài chính 2. Kế toán chi phí 3. Kế toán quản trị 4. Phân tích hoạt động kinh doanh 5. Kiểm toán căn bản

8. Quản lý giáo dục

Ngành đại học đúng/phù hợp (Không học bổ túc kiến thức)	Ngành đại học gần/ngành khác (Học bổ túc kiến thức)	Các học phần bổ túc kiến thức (03 tín chỉ/học phần)
Quản lý Giáo dục, Giáo dục học.	Nhóm 1: Giáo dục Mầm non; Tâm lý học; Giáo dục Tiểu học; Giáo dục Đặc biệt; Giáo dục Công dân; Giáo dục Chính trị; Giáo dục Thể chất; Giáo dục Quốc phòng – An ninh; Quản lý văn hóa; Quản lý Nhà nước; Khoa học quản lý; Khối ngành Sư phạm. Nhóm 2: Có bằng tốt nghiệp đại học không bao gồm các chuyên ngành đã liệt kê trong nhóm 1. Hiện đang công tác trong ngành Giáo dục đào tạo hoặc liên quan đến Giáo dục và đào tạo.	Nhóm 1: 1. Giáo dục học đại cương 2. Quản lý nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo 3. Đại cương khoa học quản lý Nhóm 2: 1. Giáo dục học đại cương 2. Quản lý nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo 3. Đại cương khoa học quản lý 4. Hệ thống giáo dục quốc dân và bộ máy quản lý giáo dục 5. Đại cương về tâm lý học

9. Ngôn ngữ Anh

Ngành đại học đúng/phù hợp (Không học bổ túc kiến thức)	Ngành đại học gần/ngành khác (Học bổ túc kiến thức)	Các học phần bổ túc kiến thức (03 tín chỉ/học phần)
Ngôn ngữ Anh/Tiếng Anh hoặc Ngữ văn Anh Ngôn ngữ Anh; Sư phạm Anh.	Bằng tốt nghiệp đại học các ngành: Ngôn ngữ học ứng dụng, Văn chương Anh – Mỹ, Ngôn ngữ học đối chiếu, Hoa Kỳ học, Anh học, Biên phiên dịch tiếng Anh tại trường đại học trong hay ngoài nước được Bộ GD&ĐT công nhận; Ngôn ngữ học, Quản lý Giáo dục, Văn hóa học, Tâm lý học, Giáo dục học tốt nghiệp ở trường nước ngoài và được đào tạo bằng ngôn ngữ Anh được Bộ GD&ĐT công nhận; Bằng tốt nghiệp đại học ngành khác của trường đại học trong nước hay ngoài nước được Bộ GD&ĐT công nhận <u>và</u> có một trong các chứng chỉ tiếng Anh sau: TOEIC từ 600 điểm trở lên hoặc IELTS từ 5.5 điểm trở lên hoặc TOEFL iBT từ 60 điểm trở lên; <u>hoặc</u> có bằng tốt nghiệp đại học trở lên ngành khác được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài với ngôn ngữ giảng dạy bằng tiếng Anh được Bộ GD&ĐT công nhận.	1. Semantics 2. Syntax 3. Morphology 4. Phonetics 5. Academic reading and writing 1 6. Academic reading and writing 2

10. Tài chính ngân hàng

Ngành đại học đúng/phù hợp (Không học bổ túc kiến thức)	Ngành đại học gần/ngành khác (Học bổ túc kiến thức)	Các học phần bổ túc kiến thức (03 tín chỉ/học phần)
Tài chính – Ngân hàng; Ngân hàng; Tài chính; Tài chính quốc tế; Tài chính doanh nghiệp; Phân tích và Đầu tư tài chính; Đầu tư; Đầu tư quốc tế; Đầu tư chứng khoán; Bảo hiểm; Tài chính- Ngân hàng- Bảo hiểm.	Kinh tế học, Kinh tế đối ngoại, Kinh doanh, Kế toán – Kiểm toán, Quản trị - Quản lý, Kinh doanh và Quản lý và các chương trình đào tạo thuộc khối ngành kinh tế nói chung.	1. Tiền tệ - Ngân hàng 2. Thị trường tài chính 3. Tài chính doanh nghiệp

11. Luật kinh tế

Ngành đại học đúng/phù hợp (Không học bổ túc kiến thức)	Ngành đại học gần/ngành khác (Học bổ túc kiến thức)	Các học phần bổ túc kiến thức (03 tín chỉ/học phần)
Luật học; Luật kinh tế; Luật quốc tế; Luật thương mại quốc tế.	Quản lý nhà nước; Quản trị Kinh doanh; Tài chính Ngân hàng; Kế toán; Kiểm toán.	1. Pháp luật về chủ thể kinh doanh 2. Pháp luật về thương mại hàng hóa dịch vụ 3. Pháp luật quốc tế



PHỤ LỤC 4

HỒ SƠ ĐĂNG KÝ THI TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(Đính kèm Thông báo số 26 /TB-DH-TĐM ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

1. Phiếu đăng ký dự thi;
 2. Lý lịch khoa học (xác nhận của cơ quan/địa phương);
 3. 02 bản sao bằng đại học/Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời (công chứng);
 4. 02 bảng điểm đại học (công chứng);
 5. Phiếu khám sức khỏe (trong thời hạn 03 tháng);
 6. Giấy giới thiệu của cơ quan hoặc bản sao hợp đồng làm việc (nếu có);
 7. Chứng chỉ ngoại ngữ/bằng cử nhân ngoại ngữ (công chứng);
 8. Giấy xác nhận văn bằng tương đương của Cục khảo thí và Kiểm định Chất lượng giáo dục đối với trường hợp văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp (công chứng);
 9. 03 ảnh 3x4 (ghi rõ tên vào mặt sau ảnh);
 10. 02 giấy CMND (công chứng)
 11. 02 phong bì có dán tem và ghi địa chỉ.
- (Tải mẫu Hồ sơ tại <https://saudaihoc.tdmu.edu.vn/Home/Content/486>)



PHỤ LỤC 5 HƯỚNG DẪN THỦ TỤC ĐÓNG TIỀN QUA TÀI KHOẢN

(Đính kèm Thông báo số 86/TB-ĐHTDM ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

1. Mức thu học phí, lệ phí xét tuyển/thi tuyển Khóa 22.1 năm 2022 và hình thức nộp

* *Mức thu*

- Học phí bổ túc kiến thức: 1.875.000 đồng/học phần.
- Học phí ôn thi: 1.250.000 đồng/môn.
- Lệ phí đăng ký thi: 100.000 đồng/hồ sơ.
- Lệ phí tuyển sinh:
- + Đối tượng 1: 400.000 đồng/hồ sơ (xét điểm tích lũy bậc đại học và phỏng vấn năng lực chuyên môn)
- + Đối tượng 2: 600.000 đồng/hồ sơ (xét điểm tích lũy bậc đại học và phỏng vấn năng lực chuyên môn và thi ngoại ngữ)

* *Hình thức nộp*

- Chuyển tiền vào tài khoản, đơn vị thụ hưởng: Trường Đại học Thủ Dầu Một
- Số tài khoản: 65010000465078 tại ngân hàng BIDV, Chi nhánh Bình Dương.

2. Cách pháp nộp tiền

- Nộp tiền bổ túc kiến thức như sau:

Mã nộp	Họ và tên	Số CMND/CCCD	Số tiền ¹
BTK22.1	Nguyễn Văn A		

- Nộp tiền ôn tập dự thi như sau:

Mã nộp	Họ và tên	Số CMND/CCCD	Số tiền ²
OTK22.1	Nguyễn Văn A		

- Nộp tiền lệ phí xét tuyển/thi tuyển như sau:

Mã nộp	Họ và tên	Số CMND/CCCD	Số tiền ³
PTK22.1	Nguyễn Văn A		

Chú ý: Thí sinh đóng tiền qua Ngân hàng hoặc Kho bạc, giữ lại giấy nộp tiền do ngân hàng hoặc kho bạc cung cấp để làm minh chứng cho các thủ tục sau này.

¹ Số tiền = (Số học phần học bổ túc kiến thức) × (1.875.000 đồng/học phần)

² Số tiền = (Số môn ôn tập) × (1.250.000 đồng/môn)

³ + Đối tượng 1: Số tiền = 400.000 đồng/hồ sơ (xét điểm tích lũy bậc đại học và phỏng vấn năng lực chuyên môn)

+ Đối tượng 2: Số tiền = 600.000 đồng/hồ sơ (xét điểm tích lũy bậc đại học và phỏng vấn năng lực chuyên môn và thi ngoại ngữ)